Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu: Mua gạo, cá, thịt, trứng, sữa, rau, củ, quả, gia vị các loại,...

- Tên dự toán: Dự toán dự kiến kinh phí mua sắm hàng hóa phục vụ chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng năm 2026 của Trung tâm Bảo trợ người tàn tật Hiệp Bình Chánh

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi

- Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ

- Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước năm 2026 (Kinh phí thực hiện nhiệm vụ chi không thường xuyên)

- Phạm vi công việc của gói thầu: Theo phạm vi cung cấp

- Địa điểm giao hàng: Số 31 đường số 13, Khu phố 36, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 365 ngày (từ T1-T12/2026)

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu chung

- Hàng hóa Phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; Đảm bảo truy xuất được nguồn gốc hàng hóa bằng điện thoại hoặc các thiết bị chuyên dụng; Có đầy đủ hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị sản xuất/Đại lý/Nhà phân phối;

- Hàng hóa còn mới 100% và còn hạn sử dụng;

- Nhà thầu phải mô tải thông số kỹ thuật đầy đủ của sản phẩm dự thầu và đính kèm đầy đủ tài liệu kỹ thuật; bản công bố chất lượng sản phẩm đối với các sản phẩm phải công bố theo quy định của pháp luật để chứng minh phù hợp với thông số kê khai;

- Đảm bảo an toàn, vệ sinh thực phẩm;

- Không tồn tại các chất bảo quản, hóa chất vượt ngưỡng cho phép. Đính kèm đầy đủ giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật;

- Đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, tuân thủ quy định về giới hạn vi sinh vật gây bệnh, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y, kim loại nặng, tác nhân gây ô nhiễm và các chất khác trong thực phẩm có thể gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người. Đính kèm đầy đủ giấy tờ chứng minh theo quy định của pháp luật;

- Cơ sở kinh doanh phải đảm bảo điều kiện về kinh doanh về vệ sinh an toàn thực phẩm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có);

- Nhóm Gạo, Dầu ăn, nước mắm, đường, Gia vị bao bì (chai) đóng sẵn: Trên bao bì (chai) phải đầy đủ các thông tin:

+ Tên hàng hóa;

+ Ngày sản xuất;

+ Đơn vị sản xuất;

+ Hạn sử dụng;

+ Trọng lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm;

+ Hướng dẫn sử dụng.

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Stt	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì…) sản phẩm chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bánh bao	Nhân thịt, 02 trứng cút. Đóng gói, có nhãn mác nguồn gốc xuất sứ rõ ràng, hạn sử dụng còn 2/3 thời gian ghi trên bao bì, phải đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Quy cách: 200g/cái.
2	Bánh bông lan chà bông	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 80g/cái
3	Bánh chà bông kẹp	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 200g/cái.
4	Bánh cuốn chả lụa	Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 350g/hộp trong đó 150g chả.
5	Bánh giò	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 200g/cái.
6	Bánh hỏi heo quay	Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 350g/hộp trong đó 150g heo quay.
7	Bánh mì kẹp thịt heo quay	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 300g/ổ trong đó 120g heo quay.
8	Bánh mì trứng ốp la	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 300g/ổ, 2 trứng gà/ổ
9	Bánh ướt chả lụa	Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 350g/hộp trong đó 150g chả.
10	Xôi mặn	Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 350g/hộp
11	Bánh bò thốt nốt nướng	Hàng mới, không hư. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 150g/cái.
12	Bánh da lợn	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất. Quy cách: 150g/cái

Stt	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì…) sản phẩm chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
13	Bánh chưng nhỏ	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 200g/cái.
14	Bánh mì lạt nhỏ	Bánh mì đặc ruột, hàng nóng mới làm. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 80-90g/ổ.
15	Bánh canh	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu, không nở, bở. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
16	Bánh hỏi	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu, không nở, bở. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
17	Bánh phở	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu, không nở, bở. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
18	Bún tươi	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu, không nở, bở. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
19	Lá hoành thánh tươi	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 300g/bịch
20	Sợi bún bò	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
21	Sợi mì quảng tươi	Hàng mới sản xuất, không ôi thiu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
22	Hủ tiếu khô	Hàng mới sản xuất, không mốc. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
23	Mì Ý	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 500g/bịch.
24	Miến dong Bắc	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói

Stt	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì…) sản phẩm chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
25	Nui ống	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 400g/bịch
26	Bột bán	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
27	Bột bắp	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
28	Bột khoai	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
29	Bột năng	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
30	Bột nếp	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
31	Đậu hủ chiên bi	Nóng, mới. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 25g/miếng
32	Đậu hủ chiên lớn	Nóng, mới. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 160g/miếng
33	Đậu hủ non	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 280g/hộp
34	Đậu hủ trắng lớn	Nóng, mới. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 160g/miếng
35	Gạo	Gạo xốp mềm <5% tấm. Yêu cầu chung: Bụi, nở, xốp, không mối, không mọt, không bị hư hỏng. Không biến màu. Hạt dài, thon, trắng trong hoặc trắng sữa, có độ bóng nhẹ. Thơm mùi hoa lài tự nhiên, thoảng nhẹ ngay cả khi chưa nấu. Cơm mềm, dẻo vừa, tơi xốp, vị ngọt nhẹ, giữ được độ dẻo thơm khi nguội. Quy cách bao bì: Gạo được đóng tịnh 50 kg/bao. Bao chứa gạo được dệt từ loại sợi Polypropylen (PP). Bao

Stt	Nhóm Thực phẩm (bánh mì, bánh bao, bột nếp, mì…) sản phẩm chế biến từ tinh bột	Yêu cầu về kỹ thuật
		chứa gạo phải mới, bền chắc, khô sạch, khối lượng 01 vỏ bao (120±10)g.
36	Nếp Bắc	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng, không hư, ẩm mốc, mọt, không sử dụng chất bảo quản, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng. Xuất xứ: Việt Nam. Gạo nếp Bắc có tỉ lệ tấm dưới 6% và độ ẩm dưới 11%. Quy cách: 50kg/bao.
37	Nếp Cẩm	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng, không hư, ẩm mốc, mọt, không sử dụng chất bảo quản, đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng. Xuất xứ: Việt Nam. Gạo nếp Cẩm có độ ẩm từ trong khoảng 12 – 15%. Quy cách: 10kg/bao.
38	Mì gói	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 85g/gói
39	Mì ly	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 65g/ly
40	Bánh chưng lớn	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1 kg/cái.
41	Bánh tét	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Quy cách: 1kg/cái

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Cam	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 04 - 06 trái/kg.
2	Cam úc	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 04 - 05 trái/kg.

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
3	Cherry lớn	Tươi, nguyên trái, không dập, xuất xứ: Úc, size 8. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: khoảng 45 trái/kg.
4	Chuối sứ	Tươi, ngon, không úng, không hư. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong, 1-1,5kg/nải
5	Dưa hấu	Tươi, ngon, không úng, không hư, chín đều. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 1,5 - 03 kg/trái.
6	Lê	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 03 - 04 trái/kg.
7	Mãng cầu ta	Tươi, ngon, không úng, không hư, chín đều. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 04-05 trái/kg.
8	Nho Ruby	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong
9	Quýt đường	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 08 - 12 trái/kg.
10	Quýt úc	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 06 - 10 trái/kg.
11	Táo Gala	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 06 - 10 trái/kg.

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
12	Xoài cát	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Sử dụng những loại xốp bọc trái cây chuyên dụng, túi nilong. Quy cách: 03 - 05 trái/kg.
13	Bạc hà	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ.
14	Bắp cải	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Thời gian thu hoạch < 48 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 700g - 1,2 kg/bắp.
15	Bắp Mỹ	Hàng tươi, ngon, không dập. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 3 - 4 trái/kg.
16	Bắp nếp	Hàng tươi, ngon, không dập. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 4 - 5 trái/kg.
17	Bầu	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 02 - 03 trái/kg.
18	Bí đỏ	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 48 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 02 - 03 kg/trái.
19	Bí xanh	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 02 - 03 trái/kg.
20	Bông cải trắng	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 0,6- 1,3kg/bông
21	Bông cải xanh	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 0,5-1,2 kg/bông
22	Bông hẹ	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
23	Cà chua	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 05 - 07 trái/kg.
24	Cà rốt	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 05 - 07 củ/kg.
25	Cà tím	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 06 trái/kg
26	Cải bẹ xanh	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
27	Cải bó xôi	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
28	Cải con	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
29	Cải dún	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
30	Cải ngọt	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
31	Cải thảo	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
32	Cải thìa	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
33	Cần tàu	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
34	Cần tây	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
35	Chanh dây	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 10 - 15 trái/kg.
36	Chanh không hạt	Tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 5 - 10 trái/kg
37	Củ cải muối	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/hũ.
38	Củ cải trắng	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 06 củ/kg
39	Củ dền	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 06 củ/kg.
40	Củ sắn	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 05 củ/kg
41	Củ sen	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
42	Đậu bắp	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 20 - 25 trái/kg.
43	Đậu đen xanh lòng	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
44	Đậu đỏ	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
		thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
45	Đậu đũa	Hàng tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ.
46	Đậu phộng rang sẵn	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
47	Đậu phộng sống	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
48	Đậu phộng tươi nguyên vỏ	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
49	Đậu rồng	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 20 - 30 trái/kg
50	Đậu xanh cà	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
51	Đậu xanh hột	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
52	Đậu xanh không vỏ	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
53	Đu đủ xanh	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 - 02 kg/trái
54	Dưa cải muối chua	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/túi
55	Dưa leo	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 06 - 08 trái/kg

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
56	Giá	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/túi
57	Gừng	Hàng tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/túi
58	Hành lá	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
59	Hành tây lột vỏ	Hàng tươi, ngon, không úng, lột vỏ sạch. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ.
60	Hạt sen tươi	Hàng tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
61	Hẹ lá	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
62	Khổ qua	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 06 - 08 quả/kg
63	Khoai lang Nhật	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 06 - 08 củ/kg
64	Chuối sáp	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1 kg/nải
65	Khoai mỡ	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 - 02 kg/củ
66	Khoai môn sọ làm sẵn	Bào sẵn, không ngâm hóa chất, hàng tươi, ngon. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách 01kg/vỉ.

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
67	Khoai tây	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 05 - 07 củ/kg
68	Lá cẩm	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
69	Lá chanh	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
70	Lá dứa	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
71	Lá giang lặt sẵn	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Đã lặt lá.
72	Măng chua	Hàng mới, tươi, ngon. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/bịch
73	Măng luộc	Hàng mới, nóng, ngon. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/bịch
74	Me	Hàng mới, tươi, ngon, được đóng gói. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói.
75	Mướp	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 05 trái/kg
76	Nấm đông cô	Khô, không mốc. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 500gr/ bịch.
77	Nấm đùi gà	Tươi, ngon, không hư dập, héo úa. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
78	Nấm kim châm	Hàng mới, trắng, không hư dập. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 150g/bịch

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
79	Nấm mèo sợi	Khô, không mốc. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 500gr/ bịch
80	Nấm rơm	Hàng mới, còn nguyên búp. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01kg/bịch.
81	Ngò rí	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
82	Ớt chuông các loại	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 03 - 05 quả/kg
83	Ớt xay	Hàng tươi, ngon, không ngâm hoá chất. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
84	Rau dền	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
85	Rau má	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
86	Rau mồng tơi	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
87	Rau muống bào	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
88	Rau muống hạt	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
89	Rau ngò gai	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
90	Rau ngót	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
91	Rau ôm	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
92	Rau salad xoon	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
93	Rau tần ô	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
94	Rau thơm các loại	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
95	Rau xà lách các loại	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng. Rau đã cắt gốc.
96	Rong biển	Khô, mới sản xuất, còn hạn sử dụng, không mốc. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng bao PP/PE
97	Sả cây	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/túi
98	Su hào	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 05 quả/kg
99	Su su	Tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 04 - 05 quả/kg
100	Tắc	Hàng tươi, ngon, không úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/túi

Stt	Nhóm rau, củ, quả, trái cây, hạt các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
101	Thì là	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
102	Thơm gọt sẵn	Gọt sẵn, tươi, ngon, không úng. Thời gian thu hoạch < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 0,8 - 1,2 kg/trái
103	Trái gấc tươi	Hàng tươi, ngon, không dập úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách đóng gói: Bọc màng PE hoặc đặt trong hộp cứng.
104	Hạt bí	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1 kg, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng.
105	Hạt dưa	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1 kg, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng.
106	Hạt hướng dương	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1 kg, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng.
107	Mứt bí	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1 kg, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng.
108	Mứt dừa	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1 kg, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng.
109	Mứt gừng	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng 1 kg, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng.

Stt	Nhóm Gia vị các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
1	Bơ thực vật	Có hộp dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 200g/hộp

Stt	Nhóm Gia vị các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
2	Bột cà ri	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 10g/gói
3	Bột nghệ	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
4	Bột ngọt	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Monosodium Glutamate tinh khiết 99%, chất phụ gia thực phẩm. Quy cách: 454g/gói
5	Dầu ăn	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Dầu thực vật tinh luyện gồm dầu olein, dầu đậu nành tinh luyện, vitamin A. Quy cách: 1lít/bình
6	Dầu hào	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 820g/chai
7	Dầu mè	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 250g/chai
8	Chao pha sẵn	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ hàng mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 750g/hủ
9	Đường cát trắng tinh luyện	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thành phần: 100% từ mía; Quy cách: 1kg/gói.
10	Đường cát vàng	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thành phần: 100% từ mía; Quy cách: 1kg/gói.
11	Đường phèn	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thành phần: 100% từ mía; Quy cách: 1kg/gói.
12	Gia vị bò kho	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 75g/hộp

Stt	Nhóm Gia vị các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
13	Gia vị Lẩu thái	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 30g/gói
14	Gia vị nấu Phở (8 vị)	Quế, hoa hồi, đinh hương, thảo quả, tiểu hồi, cam thảo, hạt ngò, trần bì. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, hàng mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Quy cách: 25g/gói
15	Giấm chua	Chai dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ và khối lượng, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Quy cách: 1lít/chai
16	Hành phi	Ngon, không hư, không có mùi hôi, không ngả màu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
17	Hành tím xay	Hàng mới xay, không hư úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
18	Hạt điều màu	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 01 kg/gói.
19	Hạt nêm	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 900g/gói
20	Mắm ruốc huế	Mắm loại 1, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/hũ
21	Mè rang sẵn	Mới rang, không mốc, được đóng gói. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói.
22	Muối hột	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/gói.
23	Muối i ốt	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/gói.
24	Ngũ vị hương	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Quy cách: 10g/gói

Stt	Nhóm Gia vị các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
25	Nguyên liệu nấu chè dưỡng nhan	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, hàng mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Quy cách: 01 kg/gói.
26	Nước cốt dừa	Hàng mới, thơm ngon, không chua. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/bịch
27	Nước cốt dừa lon	Hàng mới, thơm ngon, không chua. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 400 ml/lon
28	Nước dừa tươi	Hàng mới, thơm ngon, không chua. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/bịch
29	Nước mắm	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: cốt cá cơm, nước muối, đường, chất điều vị, chất điều chỉnh độ accid, hương cá hồi tổng hợp, chất ổn định, 12 độ đạm. Quy cách: 750ml/chai
30	Nước màu	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 150g/chai
31	Nước tương	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 500ml/chai
32	Phèn chua	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói.
33	Phổ tay khô	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 100g/bịch.
34	Sả ớt bằm	Hàng mới xay, không hư úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói trong đó 700g sả, 300g ớt.
35	Sa tế tôm	Hàng mới. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 100g/hủ

Stt	Nhóm Gia vị các loại	Yêu cầu về kỹ thuật
36	Tiêu xay	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng, hàng chuẩn, không pha. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 100g/gói.
37	Tỏi xay	Hàng mới xay, không hư úng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói
38	Tương cà	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/chai
39	Tương đen	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 230 ml/chai
40	Tương ớt	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/chai

STT	Nhóm Sữa, nước ngọt các loại	Yêu cầu kỹ thuật
1	Nước ngọt chai nhỏ các loại	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: nước bão hòa CO2, đường HFCS, đường mía, màu tự nhiên, chất điều chỉnh độ acid, hương cla tự nhiên và caffein. Quy cách: 500ml/chai
2	Sữa bột dành cho người già	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: với 39 dưỡng chất. Quy cách: 400 g/lon

STT	Nhóm Sữa, nước ngọt các loại	Yêu cầu kỹ thuật
3	Sữa bột dành cho người lớn pha sẵn	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Nước, maltodextrin, đường, dầu thực vật, đạm đậu nành, natri caseinat, chất xơ hòa tan oligofructose, các khoáng chất (kali citrat, tricalci phosphat, magnesi citrat, natri clorid, sắt pyrophosphat, kẽm sulfat, mangan sulfat, đồng sulfat, kali iodid, natri molybdat, natri selenit, crôm clorid, kali iodat), đạm whey, sterol ester thực vật (3,4 g/l), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, chất nhũ hóa (471, 460(i), 407, 466), cholin, các vitamin...Quy cách: 200 ml/hộp
4	Sữa chua có đường	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa, đường, dầu thực vật, gelatin thực phẩm, chất ổn định. Quy cách: 100g/hủ
5	Sữa chua dâu	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa, đường, thạch dừa, mứt dâu, dầu thực vật, gelatin thực phẩm, men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus,...Quy cách: 100g/hủ
6	Sữa chua Nha đam	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa 78%, đường 7.5%, nha đam, gelatin thực phẩm, chất ổn định, collagen, men Streptococcus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus. Quy cách: 100g/hủ
7	Sữa chua trái cây	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Nước, sữa bột, đường tinh luyện, thạch dừa, mứt trái cây 5%, chất béo thực vật whey bột, chất béo sữa, galetin thực phẩm, chất ổn định, hương liệu dùng cho thực phẩm, màu tự nhiên, men Streptoccus thermophilus và Lactobacillus bulgaricus. Quy cách: 100g/hủ

STT	Nhóm Sữa, nước ngọt các loại	Yêu cầu kỹ thuật
8	Sữa chua uống	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Nước, đường tinh luyện, sữa bột 3.3%, xirô fruto, chất ổn định, hương liệu tổng hợp, men sống Lactobacitius paracasel LCASEI 431, vitamin D3. Quy cách: 130 ml/chai
9	Sữa tươi có đường	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa bò tươi (95,9%), đường tinh luyện (3,8%), chất ổn định (471, 460 (i), 407,466), vitamin (natri ascorbat, A, D3), khoáng chất (natri selenit), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm. Quy cách: 180 ml/hộp
10	Sữa tươi hương dâu	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa tươi (93,8%), đường, chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), hương dâu tổng hợp dùng cho thực phẩm, màu tự nhiên (120), vitamin (natri ascorbat, A, D3), khoáng chất (natri selenit). Quy cách: 180 ml/hộp
11	Sữa tươi hương socola	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Sữa tươi (93%), đường, bột cacao (0,6%), chất ổn định (471, 460(i), 407, 466), hương liệu tổng hợp dùng cho thực phẩm, vitamin (A, D3), khoáng chất/ mineral (natri selenit/ sodium selenite). Quy cách: 180 ml/hộp
12	Sữa tươi hương trái cây	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Thành phần: Nước, đường siro glucoze, sữa bột, nước táo ép cô đặc, nước cam ép cô đặc, chất ổn định, chất béo sữa, chất điều chỉnh độ acid, hương cam tổng hợp dùng cho thực phẩm,...Quy cách: 180 ml/hộp
13	Váng sữa ăn	Thành phần là 100% sữa bò tươi. Nhà nhập khẩu có kết quả thử nghiệm, hình ảnh sản phẩm. Thời điểm sản xuất: Không quá 03 tháng cho đến khi giao hàng. Có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 55gr/hộp.

STT	Nhóm Sữa, nước ngọt các loại	Yêu cầu kỹ thuật
14	Yến tươi chưng sẵn	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 70 ml/hộp

Stt	Nhóm Bánh ngọt, rau câu các loại	Yêu cầu kỹ thuật
1	Bánh plan	1 lốc 6 bánh, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 54g/hủ
2	Rau câu sữa chua dâu	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 70g/hủ
3	Rau câu sữa chua dưa lưới	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 70g/hủ
4	Tàu hủ tươi	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 180g/hộp, hộp giấy.

Stt	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu kỹ thuật
1	Cá bạc má làm sạch	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: Khoảng 4-5 con/kg
2	Cá basa cắt khúc không đầu	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 01 - 1,2 kg/con.
3	Cá basa phi lê	Phile lấy phần thịt, không xương, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.

Stt	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu kỹ thuật
4	Cá bông lau cắt khúc không đầu	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 0,8 - 1,5 kg/con.
5	Cá chẽm phi lê	Phile lấy phần thịt, không xương, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 2-3kg/con
6	Cá diêu hồng cắt khúc	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 1,2-1,5kg/con
7	Cá diêu hồng file	Phile lấy phần thịt, không xương, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 1-1.2kg/con
8	Cá hồi phi lê không da	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 02 - 04 kg/con.
9	Cá hường làm sạch	Làm sạch, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 05 - 7 kg/con.
10	Cá lóc đen cắt khúc	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 0,8 - 1,2 kg/con.
11	Cá lóc phi lê	Phile lấy phần thịt, không xương, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 1,2-1,5kg/con

Stt	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu kỹ thuật
12	Cá mòi	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 155g/hộp
13	Cá ngừ cắt khúc	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 1,2 - 1,5 con/kg.
14	Cá nục hấp	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: Khoảng 3 con/giỏ (450gr - 500gr).
15	Cá thác lát (nạo sẵn)	Cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 8-12 con/kg
16	Cá thu cắt khúc đặc nhỏ	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 4-6kg/con
17	Cá trê cắt khúc không đầu làm sạch	Làm sạch, cắt khúc theo yêu cầu, cá tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 02 - 03 con/kg.
18	Cá viên	Có hút chân không dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 500g/gói
20	Chả cá chiên ngon	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 01 kg/gói.
21	Khô cá dứa	Hàng mới, ngon. Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 8 - 12 con/kg

Stt	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu kỹ thuật
22	Khô cá lù đù lớn	Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/gói.
23	Tôm khô	Loại 1, ngon. Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ.
24	Chả giò	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, nhân tôm thịt, thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 500g/gói, đóng gói 30 cuốn/gói
25	Bào ngư	Bào ngư vàng, nguyên con, không mùi; đóng gói 1kg/gói, ép chân không. Thời điểm sản xuất: Không quá 03 ngày cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp; có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 25-30 con/kg
26	Ếch lớn lột da làm sạch	Làm sạch, ếch tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ <24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 03 - 04 kg/con
27	Lươn file	Phile lấy phần thịt, không xương, lươn tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 03 con/kg trước khi file
28	Mực lá	Hàng tươi, làm sạch, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 02 - 03 con/kg
29	Mực ống	Hàng tươi, làm sạch, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 03 - 04 con/kg

Stt	Nhóm Cá, thủy hải sản các loại và các sản phẩm chế biến từ cá	Yêu cầu kỹ thuật
30	Tép bạc	Tươi sống, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 30 - 40 con/kg
31	Tôm sú sống	Tươi sống, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 20 - 25 con/kg

Stt	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu kỹ thuật
1	Chả bông thịt	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 01 kg/gói.
2	Chả lụa	Hàng nóng, không pha trộn bột, không đông lạnh. Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/cây
3	Lạp xưởng	Hàng mới, ngon. Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 8 - 12 cây/kg
4	Nem nướng	Hàng mới nướng, nóng, không đông lạnh. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 10 cây/kg.
5	Xá xíu	Hàng mới, nóng, ngon, cắt sẵn theo yêu cầu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1kg/bịch
6	Xúc xích	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 70g/cây.
7	Xúc xích xông khói	Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 500g/gói
8	Giò heo	Thịt tươi cắt khúc, dày 5 cm/khoanh, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.

Stt	Nhóm Thịt heo các sản phẩm từ thịt heo	Yêu cầu kỹ thuật
9	Mọc sống	Không hàng the, tươi ngon không ươn, hư, không có mùi hôi. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
10	Nạc dăm	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
11	Sườn cốt lết dạt xương	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông, cắt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
12	Sườn non	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông, chặt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
13	Thịt ba rọi	Thịt tươi ra dây, dày 5 cm/miếng, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
14	Thịt ba rọi rút xương	Thịt tươi ra dây, dày 5 cm/miếng, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
15	Thịt đùi gọ	Thịt tươi ra dây, dày 5 cm/miếng, không đông lạnh, không rã đông, cắt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
16	Thịt nạc xay	Thịt tươi xay sẵn, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
17	Thịt nách	Thịt tươi ra dây, dày 5 cm/miếng, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
18	Tim	Tươi, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
19	Xương ống heo có thịt cưa sẵn	Hàng tươi, cưa sẵn theo yêu cầu, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.

Stt	Nhóm Thịt bò, các sản phẩm từ thịt bò	Yêu cầu kỹ thuật
1	Bắp bò	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông, cắt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
2	Bò viên	Có hút chân không, dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 500g/gói
3	Chả bò	Có hút chân không dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Thực phẩm mới sản xuất, còn hạn sử dụng. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: 1kg/cây
4	Nạm bò	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông, cắt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
5	Thịt bò file	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông, cắt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
6	Thịt đùi bò	Thịt tươi, không đông lạnh, không rã đông, cắt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
7	Sườn bò chặt sẵn	Hàng tươi, chặt sẵn theo yêu cầu, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.

STT	Nhóm Thịt gà, vịt, chim chưa qua chế biến	Yêu cầu kỹ thuật
1	Chim cút	Tươi ngon, làm sạch, không mùi. Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp; có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng từng túi. Quy cách: Khoảng 100 - 130g/con.
2	Chim bồ câu ra ràng	Nguyên con, làm sạch lông, bỏ lòng; tươi, mới, không có mùi hôi; Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp; có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ, khối lượng từng túi. Quy cách: 250-300g/con

STT	Nhóm Thịt gà, vịt, chim chưa qua chế biến	Yêu cầu kỹ thuật
3	Gà ác	Nguyên con, làm sạch lông, bỏ lòng; tươi, mới, không có mùi hôi; Thời điểm sản xuất: Không quá 06 giờ cho đến khi giao hàng. Đóng gói trong túi xốp; có dán tem, nhãn ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: Khối lượng: 120-150g/con
4	Bọng (xương gà)	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
5	Cánh gà	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 06 - 08 cái/kg.
6	Đùi gà 1/4	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 02 - 04 cái/kg.
7	Đùi tỏi gà	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 06 - 08 cái/kg.
8	Gà ta	Làm sạch. Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 1,2 - 1,8 kg/con
9	Ức gà file	Hàng tươi mới, không đông lạnh, không rã đông. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.
10	Vịt bọng	Không đầu cánh chân, làm sạch, tươi sống, sơ chế theo yêu cầu, không đông lạnh. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm. Quy cách: 1,5 - 03 kg/con

Stt	Nhóm sản phẩm đã qua chế biến từ thịt heo, gà, vịt	Yêu cầu kỹ thuật
1	Gà quay	Hàng mới quay, chặt sẵn theo yêu cầu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1,2 - 1,5 kg/con
2	Vịt quay	Hàng mới quay, chặt sẵn theo yêu cầu. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Quy cách: 1,8 - 2,5 kg/con
3	Thịt ba rọi quay chặt sẵn	Hàng mới quay, da giòn, chặt sẵn theo yêu cầu. Thời gian giết mổ < 24 giờ. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Đóng vỉ và có màng bọc thực phẩm.

STT	Trứng các loại	Yêu cầu kỹ thuật
1	Trứng cút	Thực phẩm còn hạn sử dụng, ngày sản xuất mới, không hư, không vữa. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: Hộp 30 quả 270g.
2	Trứng gà	Thực phẩm còn hạn sử dụng, ngày sản xuất mới, không hư, không vữa. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: Hộp 10 quả 700g.
3	Trứng vịt	Thực phẩm còn hạn sử dụng, ngày sản xuất mới, không hư, không vữa. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: Hộp 10 quả 750g.
4	Trứng vịt muối	Thực phẩm còn hạn sử dụng, ngày sản xuất mới, không hư, không vữa. Có bao bì dán tem, nhãn (hoặc tài liệu tương đương) ghi rõ thời điểm đóng gói, hạn sử dụng, nguồn gốc xuất xứ. Có giấy công bố sản phẩm. Quy cách: Hộp 10 quả.

3. Yêu cầu về thời gian và khối lượng dự kiến

- Địa điểm giao hàng: Số 31 đường số 13, Khu phố 36, Phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời gian giao hàng:

+ Hàng hóa được cung cấp thành nhiều đợt liên tục trong thời gian 365 ngày, theo yêu cầu cụ thể của chủ đầu tư trong mỗi đợt;

+ Thời gian cung ứng hàng hóa chậm nhất là 05 giờ 00 phút hàng ngày (riêng ngày lễ, thời gian giao hàng trước 04 giờ 45 phút) sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư (bằng fax hoặc điện thoại trong trường hợp khẩn cấp). Riêng đối với hàng hóa trúng thầu dùng đột xuất bắt buộc giao hàng không quá 02 (hai) giờ. Nếu nhà thầu không cung ứng đủ hàng và đúng thời gian như quy định thì sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp đồng đã ký kết với bên mua;

+ Trước khi giao hàng bên Chủ đầu tư sẽ thông báo khối lượng, chủng loại cụ thể của mỗi địa điểm để giao hàng theo thực tế nhu cầu.

4. Các yêu cầu khác

- Chứng từ: Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ, chứng nhận chất lượng sản phẩm khi chủ đầu tư yêu cầu;
- Nhà thầu cam kết khắc phục, đổi hàng mới khi sản phẩm có sai sót do lỗi của nhà thầu;
- Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí vận chuyển, bốc xếp trong quá trình cung ứng hàng hóa, kiểm tra, nghiệm thu và giao nhận hàng;
- Nhà thầu cam kết xử lý, bồi thường thiệt hại và chịu toàn bộ chi phí để khắc phục hậu quả ngộ độc thực phẩm (nếu có) xảy ra nếu nguyên nhân là do lỗi của nhà thầu

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Theo quy định hiện hành;
- Bất cứ hàng hóa nào không đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của E-HSMT sẽ không được nghiệm thu.